TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2021/HS-ST
Ngày: 14-01-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Xuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Dương Thành Công.

Ông Nguyễn Tuấn Tú.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Phương, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Thái Hoàng Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 71/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Võ Thanh V, sinh năm 1992 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp A 2, xã H, huyện T, tỉnh An Giang; nơi sinh sống: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn Ng và bà Nguyễn Thị D; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt phạm tội quả tang ngày 13 tháng 8 năm 2020 và tạm giữ, được trả tự do ngày 22 tháng 8 năm 2020; bị cáo tại ngoại, có mặt.

2. Bùi Văn H, sinh năm 1974 tại tỉnh Đồng Nai; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu phố 1, phường H, thành phố H, tỉnh Đồng Nai; nơi sinh sống: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Tr (đã chết); có vợ là Nguyễn Thị Thu Tr và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 131 ngày 13 tháng 3 năm 1997 của Công an thành phố H, tỉnh Đồng Nai xử phạt hành chính Bùi Văn H số tiền 100.000 đồng về hành vi vi phạm trộm cắp tài sản công dân; bị bắt phạm tội quả tang ngày 13

tháng 8 năm 2020 và tạm giữ, được trả tự do ngày 22 tháng 8 năm 2020; bị cáo tại ngoại, có mặt.

3. Trần Văn X, sinh năm 1981 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp T B, xã Q, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng; nơi sinh sống: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn A và bà Ngô Thị Ph; có vợ là Trần Thị Mộng Đ và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt phạm tội quả tang ngày 13 tháng 8 năm 2020 và tạm giữ, được trả tự do ngày 22 tháng 8 năm 2020; bị cáo tại ngoại, có mặt.

4. Lê Hoài L, sinh năm 1994 tại tỉnh An Giang; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp H, xã H, huyện P, tỉnh An Giang; nơi sinh sống: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Hoàng Đ và bà Ngụy Thị Ch; có vợ là Nguyễn Kim Ng; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt phạm tội quả tang ngày 13 tháng 8 năm 2020 và tạm giữ, được trả tự do ngày 22 tháng 8 năm 2020; bị cáo tại ngoại, có mặt.

5. Lê Tấn L, sinh năm 1986 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: khu vực 6, phường B, thị xã B, tỉnh Hậu Giang; nơi sinh sống: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn R và bà Trương Thị S (đã chết); có vợ là Võ Thị Thúy H và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt phạm tội quả tang ngày 13 tháng 8 năm 2020 và tạm giữ, được trả tự do ngày 22 tháng 8 năm 2020; bị cáo tại ngoại, có mặt.

6. Nguyễn Công T, sinh năm 1993 tại tỉnh Bình Dương; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Công Ch (đã chết) và bà Phạm Thị Ph; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt phạm tội quả tang ngày 13 tháng 8 năm 2020 và tạm giữ, được trả tự do ngày 22 tháng 8 năm 2020; bị cáo tại ngoại, có mặt.

7. Đồng Thế A, sinh năm 1983 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: đội 2, thôn 2, xã D, thành phố N, tỉnh Quảng Ngãi; nơi sinh sống: khu phố H, phường H, thị xã U, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đồng Thế M và bà Phạm Thị Y; có vợ là Phan Thị Bích H và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt phạm tội quả tang ngày 13 tháng 8 năm 2020 và tạm giữ, được trả tự do ngày 22 tháng 8 năm 2020; bị cáo tại ngoại, có mặt.

8. Trần Ngọc C, sinh năm 1982 tại tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Y, xã T, huyện L, tỉnh Nghệ An; nơi sinh sống: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc V và bà Bùi Thị Th; có vợ là Phan Thị H và 04 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Quyết định đình chỉ vụ án số 01/2016/HSST-QĐĐC ngày 16 tháng 02 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Nghệ An đình chỉ xét xử vụ án đối với Trần Ngọc C và đồng phạm đã có hành vi đánh bạc với số tiền dưới 5.000.000 đồng, do chính sách nhân đạo mới của Nhà nước và theo hướng có lợi cho người phạm tội; bị bắt phạm tội quả tang ngày 13 tháng 8 năm 2020 và tạm giữ, được trả tự do ngày 22 tháng 8 năm 2020; bị cáo tại ngoại, có mặt.

9. Nguyễn Minh T, sinh năm 1983 tại tỉnh Bình Phước; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 1, ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Bình Phước; nơi sinh sống: tổ 5, khu phố H, thị trấn U, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Th và bà Phùng Thị Kim L; có vợ là Nguyễn Thị L và 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt phạm tội quả tang ngày 13 tháng 8 năm 2020 và tạm giữ, được trả tự do ngày 22 tháng 8 năm 2020; bị cáo tại ngoại, có mặt.

10. Phạm Như K, sinh năm 1986 tại tỉnh Thái Bình; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: tổ 7, ấp T, xã T II, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Phạm Minh T (đã chết) và bà Đặng Thị M; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt phạm tội quả tang ngày 13 tháng 8 năm 2020 và tạm giữ, được trả tự do ngày 22 tháng 8 năm 2020; bị cáo tại ngoại, có mặt.

11. Nguyễn Khắc N, sinh năm 1979 tại tỉnh Hưng Yên; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Đ, xã T, huyện C, tỉnh Hưng Yên; nơi sinh sống: ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Khắc Y (đã chết) và bà Nguyễn Thị C; có 01 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Bản án hình sự sơ thẩm số 190/2011/HSST ngày 25 tháng 03 năm 2011 của Tòa án nhân dân Quận M, Thành phố Hà Nội xử phạt Nguyễn Khắc N 18 tháng tù về tội Môi giới mại dâm; bị bắt phạm tội quả tang ngày 13 tháng 8 năm 2020 và tạm giữ, được trả tự do ngày 22 tháng 8 năm 2020; bị cáo tại ngoại, có mặt.

12. Trần Xuân S, sinh năm 1987 tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp C, xã T II, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân S1 và bà Hồ Thị A; có vợ là Nguyễn Thị Đ và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt

phạm tội quả tang ngày 13 tháng 8 năm 2020 và tạm giữ, được trả tự do ngày 22 tháng 8 năm 2020; bị cáo tại ngoại, có mặt.

13. Võ Văn H, sinh năm 1991 tại tỉnh Tây Ninh; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp B, xã H, huyện T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn T và bà Ngô Thị Th; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: không; bị bắt phạm tội quả tang ngày 13 tháng 8 năm 2020 và tạm giữ, được trả tự do ngày 22 tháng 8 năm 2020; bị cáo tại ngoại, có mặt.

14. Trần Ngọc L, sinh năm 1977 tại tỉnh Nghệ An; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn Y, xã T, huyện L, tỉnh Nghệ An; nơi sinh sống: ấp 2, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): không; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc V và bà Bùi Thị Th; có vợ là Hồ Thị B và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Quyết định đình chỉ vụ án số 01/2016/HSST-QĐĐC ngày 16 tháng 02 năm 2016 của Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Nghệ An đình chỉ xét xử vụ án đối với Trần Ngọc C và đồng phạm đã có hành vi đánh bạc với số tiền dưới 5.000.000 đồng, do chính sách nhân đạo mới của Nhà nước và theo hướng có lợi cho người phạm tội; bị bắt phạm tội quả tang ngày 13 tháng 8 năm 2020 và tạm giữ, được trả tự do ngày 22 tháng 8 năm 2020; bị cáo tại ngoại, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của các bị cáo:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 13 tháng 8 năm 2020, Võ Thanh V, Bùi Văn H, Trần Văn X, Lê Hoài L, Lê Tấn L, Nguyễn Công T, Đồng Thế A, Trần Ngọc C, Nguyễn Minh T, Phạm Như K, Nguyễn Khắc N, Trần Xuân S, Võ Văn H, Trần Ngọc L cùng một số đối tượng khác không rõ họ tên, địa chỉ đến khu vực bãi đất trống góc tường rào phía sau Công ty T thuộc ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương để tham gia đánh bạc với hình thức lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền. V, K và Công T lần lượt thay nhau làm cái. Hoài L đưa tiền cho Công T và K làm cái thay, Hoài L chỉ đứng ở ngoài xem; nếu thắng Hoài L sẽ cho tiền K và Công T uống cà phê. H, X, Tấn L, A, C, Minh T, N, S, H và Ngọc L tham gia đặt cược tiền với nhà cái; mức tiền cược từ 10.000 đồng đến 200.000 đồng. K và V sau khi nghỉ làm cái thì chuyển sang đặt cược.

Hình thức chơi đánh bạc lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền như sau: nhà cái sẽ lắc bộ tài xỉu gồm 01 nắp nhựa, 01 dĩa sứ và 03 hạt xí ngầu sao cho giá trị tổng các mặt ngửa của 03 hạt xí ngầu thay đổi từ 03 điểm đến 18 điểm; tổng 03 hạt xí ngầu lớn hơn hoặc bằng 11 là "tài", nhỏ hơn 11 là "xỉu". Người chơi sẽ đặt cửa

tài hoặc xỉu; nếu thắng, người chơi sẽ thắng nhà cái số tiền bằng đúng số tiền cược; nếu thua, người chơi sẽ thua nhà cái số tiền bằng đúng số tiền cược.

Đến khoảng 12 giờ 25 phút cùng ngày, khi các bị cáo đang đánh bạc bằng hình thức lắc tài xỉu thắng thua bằng tiền thì bị lực lượng Công an huyện Bàu Bàng phối hợp Công an xã T, huyện B tiến hành kiểm tra, bắt quả tang.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội đã thực hiện đúng như Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Đánh bạc.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 13 tháng 8 năm 2020 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bàu Bàng, vật chứng thu giữ gồm: tổng số tiền là 19.460.000 đồng (thu giữ được trực tiếp tại chiếu bạc là 11.160.000 đồng; thu giữ được trong người các bị cáo là 8.300.000 đồng, gồm của K 2.800.000 đồng, của Ngọc L 4.000.000 đồng và của H 1.500.000 đồng); bộ dụng cụ để lắc tài xỉu gồm 03 hột xí ngầu, 01 đĩa sứ màu trắng, 01 nắp nhựa và 01 tấm gỗ ép có ghi chữ tài xỉu.

Các bị cáo đã khai nhận: V sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt V thua hết số tiền 200.000 đồng. H sử dụng 1.700.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt H không thắng không thua, thu giữ của H tại chiếu bạc 200.000 đồng và 1.500.000 đồng trên người. X sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt X thắng 150.000 đồng, tổng số tiền thu giữ tại chiếu bạc 850.000 đồng. Hoài L đưa cho Công T 3.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt Công T không thắng không thua, tổng số tiền thu giữ tại chiếu bạc 3.000.000 đồng. Tấn L sử dụng 850.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt Tấn L thắng 350.000 đồng, tổng số tiền thu tại chiếu bạc 1.200.000 đồng. A sử dụng 370.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt A thua 170.000 đồng, số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 200.000 đồng. N sử dụng 650.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt N thắng 450.000 đồng, tổng số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 1.100.000 đồng. Minh T sử dụng 2.150.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt Minh T thắng 450.000 đồng, tổng số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 2.600.000 đồng. K sử dụng 4.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt K thua 100.000 đồng, tổng số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 1.100.000 đồng và thu giữ trên người K là 2.800.000 đồng. C sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt C thua hết 300.000 đồng. S sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt S thua 200.000 đồng, số tiền thu tại chiếu bạc 500.000 đồng. H sử dụng 300.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt H thua 240.000 đồng, số tiền thu giữ tại chiếu bạc 60.000 đồng. Ngọc L sử dụng 4.350.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt Ngọc L không thắng không thua, số tiền thu giữ tại chiếu bạc là 350.000 đồng và thu giữ trên người Ngọc L là 4.000.000 đồng.

Quá trình đánh bạc có một số đối tượng không rõ nhân thân, lai lịch cùng tham gia đánh bạc nhưng do thua hết tiền nên đã về trước.

Đối với tổng số tiền là 19.460.000 đồng, gồm 11.160.000 đồng thu trên chiếu bạc và 8.300.000 thu trong người các bị cáo H, bị cáo K và bị cáo Ngọc L, có căn cứ xác định là tiền dùng đánh bạc nên đề nghị tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

Đối với 01 bộ lắc tài xỉu gồm 01 nắp nhựa màu đỏ được quấn băng keo màu vàng nhạt, 01 dĩa bằng sứ màu trắng, 03 hột xí ngầu 06 mặt được chấm từ 01 đến 06 chấm tất cả đều đã qua sử dụng và 01 tấm ván gỗ màu nâu sẫm có ghi chữ tài xỉu là công cụ phương tiện dùng vào việc phạm tội nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với các đối tượng đánh bạc không rõ tên tuổi, địa chỉ, Cơ quan điều tra đang xác minh làm rõ, khi nào có đủ căn cứ sẽ xử lý sau.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên và các bị cáo không có ý kiến gì về việc thu giữ và xử lý vật chứng như trên.

Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát: Bản Cáo trạng số 72/CT-VKSBB ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng đã truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Trên cơ sở đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về mức hình phạt:

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo V, bị cáo Hoài L và bị cáo K, xử phạt tiền mỗi bị cáo từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Công T, xử phạt tiền bị cáo Công T từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngọc L, xử phạt tiền bị cáo Ngọc L từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo C và bị cáo N, xử phạt tiền mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo H, bị cáo X, bị cáo Tấn L, bị cáo A, bị cáo Minh T, bị cáo S và bị cáo H, xử phạt tiền mỗi bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: như trên.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và luận tội của Kiểm sát viên.

Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo V: bị cáo đã biết tội và ăn năn hối cải, xin được giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo H: bị cáo biết lỗi, xin được giảm án.

Bị cáo X: bị cáo đã biết ăn năn hối cải, xin phạt nhẹ vì bị cáo là công nhân.

Bị cáo Hoài L: xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, sợ số tiền phạt quá lớn.

Bị cáo Tấn L: bị cáo biết lỗi, xin giảm nhẹ hình phạt vì bị cáo còn con nhỏ, vợ đang mang thai.

Bị cáo Công T: bị cáo biết lỗi, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo A: xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; bị cáo là lao động chính, bị cáo còn 02 con nhỏ, cha mẹ già đau ốm thường xuyên; bị cáo ăn năn hối cải, hứa làm công dân tốt.

Bị cáo C: bị cáo đã sai và ăn năn hối lỗi, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Minh T: bị cáo biết sai, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo là lao động chính.

Bị cáo K: bị cáo biết lỗi, xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo N: bị cáo biết sai, vi phạm pháp luật, xin giảm nhẹ cho bị cáo và các bị cáo còn lại.

Bị cáo S: bị cáo biết đánh bạc là sai trái, xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo H: bị cáo biết sai, xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Ngọc L: bị cáo biết đánh bạc là sai, xin giảm nhẹ tội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đối với Danh bản (bút lục số 290, số 311, số 330, số 349, số 365, số 383, số 405, số 423, số 444, số 463, số 485, số 503, số 522 và số 545) và Chỉ bản (bút lục số 291, số 312, số 331, số 350, số 366, số 384, số 406, số 424, số 445, số 464, số 486, số 504, số 523 và số 546) của các bị cáo do Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng thu thập trong quá trình điều tra không có mã vạch tại nơi dán mã vạch của Danh bản và Chỉ bản là không đúng theo biểu mẫu số 186 và biểu mẫu số 187 ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự; đây là thiếu sót cần khắc phục trong quá trình điều tra, truy tố những vụ án khác.

[1.2] Về hành vi, quyết định tố tụng khác của Cơ quan điều tra Công an huyện Bàu Bàng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên

tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận: khoảng 12 giờ 30 phút ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại ấp 3, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương, các bị cáo đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức lắc tài xỉu được thua bằng tiền với nhau, tổng số tiền thu giữ là 19.460.000 đồng (thu giữ được trực tiếp tại chiếu bạc là 11.160.000 đồng và thu giữ được trong người các bị cáo bị cáo H, bị cáo K và bị cáo Ngọc L là 8.300.000 đồng). Lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án và và diễn biến tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận các bị cáo phạm tội Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Vì vậy, việc Kiểm sát viên truy tố các bị cáo tại phiên tòa là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo gây nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến an toàn trật tự công cộng, trật tự trị an tại địa phương, là nguyên nhân phát sinh những tệ nạn khác. Vì vậy, việc đưa các bị cáo ra xét xử tại phiên tòa là hoàn toàn cần thiết.

[4] Vì tư lợi mà các bị cáo đã có hành vi đánh bạc trái phép dưới hình thức lắc tài xỉu được thua bằng tiền. Vụ án với tính chất đồng phạm giản đơn: bị cáo V, bị cáo Công T và bị cáo K thay nhau làm cái, khi bị cáo K và bị cáo Công T không làm cái thì tham gia đặt cược với nhà cái; bị cáo Hoài L đưa tiền cho bị cáo Công T và bị cáo K làm cái thay và đứng ngoài xem; các bị cáo còn lại cùng tham gia đặt cược với nhà cái, mức đặt cược mỗi ván từ 10.000 đồng đến 200.000 đồng. Các bị cáo biết rõ hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện là phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Riêng các bị cáo sau còn có nhân thân xấu: bị cáo H đã từng bị xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản công dân; bị cáo N đã từng bị xử phạt về tội Môi giới mại dâm; bị cáo C và bị cáo Ngọc L đã có hành vi đánh bạc với số tiền dưới 5.000.000 đồng, do chính sách nhân đạo mới của Nhà nước và theo hướng có lợi cho người phạm tội nên được đình chỉ xét xử vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử quyết định xử các bị cáo một mức án tương xứng với tính chất và mức độ tham gia phạm tội của mỗi bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo như sau:

[5.1] Đối với bị cáo V, bị cáo H, bị cáo X, bị cáo Hoài L, bị cáo Tấn L, bị cáo Công T, bị cáo A, bị cáo Minh T, bị cáo K, bị cáo S và bị cáo H:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Riêng bị cáo Công T có cha là

người có công với cách mạng, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[5.2] Đối với bị cáo C, bị cáo N và bị cáo Ngọc L:

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của của Bộ luật Hình sự.

Trong vụ án này, các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng các bị cáo không phải phạm tội lần đầu, không thể hiện sự ăn năn hối cải nên Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm i và điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[6] Xét thấy, vụ án có tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn cũng như tính chất của đồng phạm trong vụ án, việc Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với các bị cáo là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6.1] Tuy nhiên, xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức phạt tiền đối với bị cáo V, bị cáo H, bị cáo X, bị cáo Hoài L, bị cáo Tấn L, bị cáo Công T, bị cáo A, bị cáo Minh T, bị cáo K, bị cáo S, bị cáo H và bị cáo Ngọc L tại phiên tòa là cao, Hội đồng xét xử quyết định mức phạt tiền đối với các bị cáo này thấp hơn so với đề nghị của Kiểm sát viên là đã thể hiện được sự nghiêm minh của pháp luật, đồng thời bảo đảm cho việc thi hành án sau này. Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức phạt tiền đối với bị cáo Cương và bị cáo N tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6.2] Căn cứ tính chất và mức độ tham gia phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của mỗi bị cáo, Hội đồng xét xử quyết định mức phạt tiền của bị cáo V, bị cáo Hoài L, bị cáo Công T, bị cáo K và bị cáo Ngọc L cao hơn các bị cáo khác và bằng nhau; quyết định mức phạt tiền của bị cáo Cương và bị cáo N cao hơn bị cáo H, bị cáo X, bị cáo Tấn L, bị cáo A, bị cáo Minh T, bị cáo S, bị cáo H và bằng nhau; bị cáo H, bị cáo X, bị cáo Tấn L, bị cáo A, bị cáo Minh T, bị cáo S và bị cáo H có mức phạt tiền bằng nhau.

[7] Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46 và điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước 11.160.000 đồng thu giữ được trực tiếp tại chiếu bạc; 8.300.000 đồng thu giữ được trong người của bị cáo H là 1.500.000 đồng, bị cáo K là 2.800.000 đồng và bị cáo Ngọc L là 4.000.000 đồng; tổng cộng là 19.460.000 đồng, đây là số tiền dùng đánh bạc.

Tịch thu tiêu hủy 01 bộ lắc tài xỉu gồm: 01 nắp nhựa màu đỏ được quấn băng keo màu vàng nhạt, 01 dĩa bằng sứ màu trắng, 03 hột xí ngầu 06 mặt được

chấm từ 01 đến 06 chấm tất cả đều đã qua sử dụng và 01 tấm ván gỗ màu nâu sẫm có ghi chữ tài xỉu là công cụ, phương tiện phạm tội.

[8] Các đối tượng đánh bạc không rõ tên tuổi, địa chỉ; khi nào xác minh làm rõ sẽ xử lý sau.

[9] Về án phí: mỗi bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Võ Thanh V, Bùi Văn H, Trần Văn X, Lê Hoài L, Lê Tấn L, Đồng Thế A, Nguyễn Minh T, Phạm Như K, Trần Xuân S và Võ Văn H phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt tiền bị cáo Võ Thanh V 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt tiền bị cáo Bùi Văn H 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt tiền bị cáo Trần Văn X 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt tiền bị cáo Lê Hoài L 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt tiền bị cáo Lê Tấn L 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt tiền bị cáo Đồng Thế A 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Minh T 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt tiền bị cáo Phạm Như K 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt tiền bị cáo Trần Xuân S 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Xử phạt tiền bị cáo Võ Văn H 25.000.000 đồng (hai mươi lăm triệu đồng).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Công T phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Công T 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Căn cứ vào khoản 1 Điều 321, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Trần Ngọc C, Nguyễn Khắc N và Trần Ngọc L phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt tiền bị cáo Trần Ngọc C 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Xử phạt tiền bị cáo Nguyễn Khắc N 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Xử phạt tiền bị cáo Trần Ngọc L 35.000.000 đồng (ba mươi lăm triệu đồng).

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm: kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46 và điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước số tiền 19.460.000 đồng (mười chín triệu bốn trăm sáu mươi nghìn đồng) *(Giấy nộp tiền ngày 02 tháng 12 năm 2020).*

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bộ lắc tài xỉu gồm: 01 nắp nhựa màu đỏ được quấn băng keo màu vàng nhạt, 01 dĩa bằng sứ màu trắng, 03 hột xí ngầu 06 mặt được chấm từ 01 đến 06 chấm tất cả đều đã qua sử dụng và 01 (một) tấm ván gỗ màu nâu sẫm có ghi chữ tài xỉu *(Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 02 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương).*

Về án phí: căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện B;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện B;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Bị cáo;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

Huỳnh Kim Xuyến